

Bản án số: 91/2026/HS-PT
Ngày: 18 - 06 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hoàng Ngọc Liễu

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Mạnh Hùng

ông Nguyễn Quang Tuấn

- Thư ký phiên tòa: bà Khả Thị Yêu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà
Bùi Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 106/2026/TLPT-HS ngày 20/4/2026 đối với bị cáo Nguyễn Đức M, do có kháng cáo của Bị cáo và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (gọi tắt Ngân hàng V2) đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2026/HS-ST ngày 17/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ.

- Bị cáo kháng cáo, không bị kháng nghị: NGUYỄN ĐỨC M, sinh ngày 24/9/1982 tại Phú Thọ. Nơi cư trú: tổ D, phường H, tỉnh P. CCCD: 017082006573; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1953 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1959; có vợ là Nguyễn Thị D (đã ly hôn) và 02 con; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 29/6/2001, bị Công an phường P, thị xã H, tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/5/2025 tại Trại tạm giam số 3 - Công an tỉnh P.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn V thuộc Công ty L1, Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ.

- Bị hại: anh Phạm Văn K, sinh năm 1991. Trú tại: số nhà C, khu M, xã T, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Võ Như H1, sinh năm 1992 và chị Trần Thị T, sinh năm 1993. Trú tại: số nhà A, khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Lưu Việt T1, sinh năm 1984. Trú tại: tổ A, phường H, tỉnh Phú Thọ.

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1. Địa chỉ: S, A, P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V1 - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: chị Nguyễn Thị Y; anh Vũ Anh Q; anh Đỗ Xuân M1 và chị Tạ Thu H2. Cùng trú tại: tầng D, tòa nhà C T, phường K, thành phố Hà Nội.

+ Anh Ngô Ngọc S, sinh năm 1993. Trú tại: khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ.

(Bị cáo, Luật sư V, anh K, anh S, anh Q có mặt. Chị Y, anh M1 và chị H2 vắng mặt. Anh H1, chị T, anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Ngoài ra, còn có người làm chứng Phạm Thị Nhật L Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2024, Nguyễn Đức M hoạt động dịch vụ lái xe ghép tại xã T, tỉnh Phú Thọ, nhiều lần thuê xe ô tô của anh Phạm Văn K để sử dụng. Ngày 28/8/2024, Nguyễn Đức M đến gặp anh K để thỏa thuận thuê chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 28A-131.88 (xe anh K thuê của anh Võ Như H1, giấy tờ xe đang được anh H1 thế chấp tại Ngân hàng V2) mục đích là để chạy xe ghép, dịch vụ cá nhân trong thời hạn 6 tháng, với giá 11.000.000 đồng/1 tháng. Để được thuê xe, anh K yêu cầu phải có hai người ký tên vào hợp đồng, sau đó M đưa chị Phạm Thị Nhật L, sinh năm 1991, trú tại khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ là bạn gái của M đến gặp anh K để ký vào hợp đồng thuê xe. Sau khi ký hợp đồng, M nhận xe và Giấy đăng kiểm, Bảo hiểm xe, Giấy đăng ký xe bản photo và Giấy đi đường do chiếc xe đang thế chấp tại Ngân hàng. Đến ngày 02/9/2024, M đến gặp anh K để thỏa thuận thuê thêm chiếc xe ô tô SUZUKI XL7 GLX, biển kiểm soát 28A - 107.39 (xe anh K thuê của anh Ngô Ngọc S) mục đích chạy xe ghép, dịch vụ cá nhân, thỏa thuận giá thuê là 12.000.000 đồng/1 tháng. M nhận xe và Giấy đăng kiểm, Bảo hiểm xe, Giấy đăng ký xe bản photo và Giấy đi đường của Ngân hàng do chiếc xe đang thế chấp tại Ngân hàng N1, chi nhánh T3.

Quá trình sử dụng xe đến ngày 16/09/2024, do cần tiền chi tiêu cá nhân mặc dù không được sự đồng ý của anh K, theo M khai M đã tự ý đem chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 28A-131.88, cầm cố cho anh Lưu Việt T1 tại

nhà riêng của T1. Khi đặt vấn đề cầm cố xe, anh T1 bảo M đợi lát nữa sẽ có người đến làm việc, sau đó T1 bỏ đi chơi thể thao. Khoảng 1 giờ sau có người tên Nguyễn Văn N đến gặp M và bảo đi theo đến phòng trọ của N ở ngõ R, thuộc phường P, tỉnh Phú Thọ để làm việc. Tại đây N thỏa thuận nhận cầm cố xe ô tô với số tiền 90.000.000 đồng, lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày và cắt 8.100.000 đồng tiền lãi của tháng đầu tiên. N giao cho M 81.900.000 đồng tiền mặt, M đưa cho Ngọc G đăng kiểm, Bảo hiểm xe và Giấy đi đường của Ngân hàng, quá trình thỏa thuận cầm cố xe, chỉ có M và N không có người chứng kiến. Sau khi nhận tiền, M chuyển số tiền 80.000.000 đồng cho anh Võ Như H1 để góp vốn kinh doanh xưởng rửa xe, số tiền còn lại M chi tiêu cá nhân hết, không có khả năng trả tiền để lấy lại xe ô tô đã cầm cố. Theo T1 khai là M bán xe, không phải cầm cố và xuất trình Giấy bán xe với nội dung M bán chiếc xe này cho N với giá là 90.000.000 đồng, M có ký tên, điền chỉ vào Giấy bán xe.

Đến ngày 25/9/2024, trong quá trình sử dụng xe ô tô, do cần tiền chi tiêu cá nhân, M khai tiếp tục đem chiếc xe ô tô SUZUKI XL7 GLX, biển kiểm soát 28A - 107.39 đến gặp anh Lưu Việt T1 tại quán C, phường H, tỉnh Phú Thọ để cầm cố. Tại đây M và T1 thỏa thuận cầm cố chiếc xe với số tiền 115.000.000 đồng, lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày, M phải viết Giấy bán xe và ký tên điền chỉ vào Giấy bán xe. Sau đó M giao toàn bộ Giấy đăng kiểm, Bảo hiểm xe và Giấy đi đường của Ngân hàng cho T1, quá trình thỏa thuận cầm cố xe chỉ có M và T1, không có người chứng kiến. Số tiền cầm cố xe M đã chi tiêu cá nhân hết, không có khả năng trả tiền để lấy lại xe ô tô đã cầm cố.

Khi hết thời hạn thuê xe, anh Phạm Văn K nhiều lần liên lạc cho Nguyễn Đức M yêu cầu trả tiền thuê xe và trả xe nhưng M lấy nhiều lý do trì hoãn. Sau đó anh K đã gửi đơn đến Cơ quan Công an. Quá trình điều tra, ngày 11/5/2025 anh Lưu Việt T1 giao nộp xe TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 28A-131.88; đối với chiếc xe SUZUKI XL7 GLX biển kiểm soát 28A-107.39 hiện chưa xác định được ở đâu (anh Lưu Việt T1 khai đã trả lại cho Nguyễn Minh Đ nhưng M không thừa nhận), ngày 26/06/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy tìm vật chứng số: 2334/QĐ-CSHS, nhưng đến nay chưa có kết quả.

Kết luận định giá tài sản số: 78/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố H, kết luận: Chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 28A-131.88, có giá trị là 310.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số: 33/KL-HĐĐGTS ngày 26/8/2025 Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Phú Thọ, kết luận: Chiếc xe ô tô con 7 chỗ ngồi nhãn hiệu SUZUKI XL7 GLX, biển kiểm soát 28A-107.39, có giá trị là 367.500.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2026/HSST ngày 17/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức M phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức M 13 (Mười ba) năm tù. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, T2 lại cho anh Phạm Văn K 01 xe ô tô TOYOTA VIOS 1.5E, biển kiểm sát 28A - 131.88, buộc Nguyễn Đức M phải bồi thường cho anh Phạm Văn K giá trị thiệt hại chiếc xe ô tô SUZUKI XL7 GLX với số tiền 367.500.000 đồng. Tách phần yêu cầu anh Phạm Văn K yêu cầu đòi thường thiệt hại số tiền 300.000.000 đồng để giải quyết bằng một vụ kiện khác. Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của Bị cáo, đương sự trong vụ án, theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/3/2026, Ngân hàng V2 kháng cáo một phần bản án hình sự sơ thẩm, không đồng ý Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trả xe ô tô TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 28A-131.88 cho anh K vì cho rằng chiếc xe là tài sản bảo đảm cho khoản vay của anh H1 và chị T, đã được thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm hợp pháp. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bản giao lại tài sản bảo đảm là chiếc xe TOYOTA VIOS, biển kiểm sát 28A-131.88 cùng Giấy tờ cho Ngân hàng V2 để Ngân hàng xử lý, thu hồi nợ.

Ngày 23/3/2026, bị cáo Nguyễn Đức M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo và Ngân hàng V2 đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ nêu quan điểm giải quyết vụ án: Về thời hạn và thủ tục kháng cáo của Bị cáo và Ngân hàng V2 đã được thực hiện trong thời hạn và đúng trình tự theo quy định. Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Đức M về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo M rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, việc rút đơn kháng cáo là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Bị cáo. Đối kháng cáo của Ngân hàng V2, thấy rằng mặc dù anh H1 có vi phạm trong việc cho thuê xe nhưng chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng V2 hiện đang cầm giữ toàn bộ giấy tờ xe bản gốc, giữa anh K và anh H1 thỏa thuận trả lại xe cho anh H1, việc thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật và cũng là để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng V2 nên ghi nhận sự tự nguyện này. Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm xác định anh S mới là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe SUZUKI XL7 GLX, anh S và anh K thỏa thuận Bị cáo sẽ hoàn trả thiệt hại của chiếc xe này trực tiếp cho anh S mà không phải không qua anh K. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và điểm

b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng V2, Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2026/HS-ST ngày 17/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ theo hướng về xử lý vật chứng: Tuyên trả lại cho anh Võ Như H1 01 xe ô tô TOYOTA VIOS 1.5E, biển kiểm sát 28A - 131.88, Về trách nhiệm dân sự: buộc Nguyễn Đức M phải bồi thường cho anh Ngô Ngọc S giá trị thiệt hại chiếc xe ô tô SUZUKI XL7 GLX là 367.500.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Nguyễn Văn V trình bày: Do Bị cáo rút kháng cáo, việc rút kháng cáo là tự nguyện nên không có ý kiến về vấn đề này. Về xử lý vật chứng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trả lại cho anh Phạm Văn K 01 xe ô tô TOYOTA VIOS 1.5E, biển kiểm sát 28A - 131.88 là đúng.

Bị hại Phạm Văn K trình bày: Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ đã tuyên trả lại xe ô tô TOYOTA và hoàn trả thiệt hại của chiếc xe SUZUKI cho anh. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh K nhất trí đề nghị cấp phúc thẩm tuyên trả lại chiếc xe TOYOTA cho anh H1 đồng thời buộc Bị cáo hoàn trả số tiền 367.500.000 đồng thiệt hại chiếc xe SUZUKI cho anh S vì giữa anh và anh S không có quan hệ mua bán chiếc xe SUZUKI mà chỉ là quan hệ thuê xe.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Võ Như H1 và chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có ý kiến: ngày 20/6/2024, anh H1 có thỏa thuận cho anh K thuê xe, theo đó anh K trả tiền thuê là 11.000.000 đồng/tháng và anh K sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về xe đó, anh H1 có giao cho anh K bản phô tô có xác nhận của Ngân hàng V2, anh K cũng biết việc anh H1 thế chấp chiếc xe này tại Ngân hàng. Quan điểm của anh H1, chị T, chiếc xe ô tô là tài sản của anh H1 và chị T, hiện Giấy đăng ký xe mang tên anh H1 nên đề nghị Tòa trả lại chiếc này cho anh H1, sau khi nhận được xe thì sẽ đánh giá được thiệt hại của chiếc xe để có căn cứ yêu cầu anh K bồi thường trên cơ sở hợp đồng thuê giữa anh H1 và anh K, cũng là để anh K có căn cứ kiện M để hoàn trả thiệt hại. Anh H1 cho biết thêm bản thân anh có vay của Ngân hàng số tiền là 369.000.000 đồng, hiện nợ gốc còn là 138.112.000 đồng, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là đến năm 2029. Anh H1 biết việc cho anh K thuê xe là không đúng thỏa thuận với Ngân hàng. Nhưng nếu được trả lại chiếc xe TOYOTA, anh H1 sẽ thực hiện đúng cam kết với Ngân hàng, cũng như thực hiện đúng Hợp đồng tín dụng vì đến thời điểm này anh chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Ngô Ngọc S trình bày: Chiếc xe SUZUKI XL7 GLX, biển kiểm soát 28A - 107.39 được anh S mua từ năm 2020, đi được 1 thời gian thì đã thế chấp Ngân hàng A để vay vốn số tiền 50.000.000 đồng, tuy nhiên đã thanh toán khoản tiền vay nên hiện nay không còn thế chấp ở Ngân hàng nữa. Ngày 01/06/2024, anh S và anh K ký hợp đồng thuê

xe, theo đó anh K thuê chiếc xe này với giá là 12.500.000 đồng/ tháng, anh K thuê xe của anh để cho người khác thuê lại. Thời điểm bàn giao xe cho anh K có 1 Giấy đi đường do Ngân hàng A xác nhận (thời điểm đó vẫn đang thế chấp tại Ngân hàng, giấy tờ gốc thì Ngân hàng giữ). Đến tháng 12 năm 2024, anh K thông báo một người tên là M cầm cố, đã làm đơn trình báo đến Công an. Anh K đã trả được một số tiền thuê nhưng đến tháng 12/2024 không trả tiền thuê. Lý do tại sao trong hồ sơ vụ án lại có giấy tờ bán xe giữa anh và anh K, mục đích viết giấy này là để anh đỡ bị Công an gọi vì anh đang làm việc trong Nhà nước nên không muốn bị làm phiền. Trên thực tế, anh chưa bán xe cho anh K. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên để bị cáo M trực tiếp hoàn trả cho anh số tiền 367.500.000 đồng vì anh mới là người sở hữu chiếc xe này. Ngoài ra, anh không yêu cầu Bị cáo cũng như anh K phải bồi thường thêm vấn đề nào khác .

Khi nói lời sau cùng, Bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, nên tự nguyện rút đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đối với các nội dung khác của vụ án, Bị cáo không có ý kiến gì. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, Người bào chữa. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, Người bào chữa là hợp pháp.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, Bị cáo và Ngân hàng V2 có đơn kháng cáo bản án. Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, kháng cáo trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Tư cách tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh K khai giữa anh và anh S ký hợp đồng thuê xe chứ không phải bán xe; hợp đồng thế chấp có tên anh H1 và chị T ký với Ngân hàng V2. Anh S đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đưa vào tham gia tố tụng, anh cam đoan không khiếu nại, khiếu kiện gì về vấn đề này. Xét thấy cần thiết đưa anh S, chị T vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 65 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo M về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị cáo tự nguyện rút đơn kháng cáo. Do đó, căn cứ Điều 348; điểm d khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Bị cáo.

[2.2] Xét kháng cáo của Ngân hàng V2, Hội đồng xét xử xét thấy: Chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 28A-131.88, Giấy tờ xe mang tên Võ Như H1 là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Võ Như H1 và chị Trần Thị T. Sau đó, anh H1 cho anh K thuê, anh K cho bị cáo M thuê, sau M lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản dẫn đến không có tài sản trả lại. Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự quy định *"Đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp"*, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên trả chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 28A-131.88 cho anh Phạm Văn K (người quản lý hợp pháp tại thời điểm bị chiếm đoạt) là phù hợp. Tuy nhiên, chiếc xe này được xác định là đang được thế chấp tại Ngân hàng V2, trong điều khoản thế chấp có nội dung không được cho thuê lại nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trả cho anh K là không đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng. Tuy nhiên, anh H1 cũng chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hiện vẫn trả gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng không cung cấp được văn bản lập về vi phạm của Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp. Tại cấp phúc thẩm, anh K và anh H1, chị T đề nghị Tòa án tuyên trả lại cho anh H1. Để bảo đảm quyền lợi các bên, căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự, cần sửa về phần xử lý vật chứng theo hướng giao trả chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 28A-131.88 cho anh Võ Như H1 là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như bảo đảm quyền lợi của Ngân hàng khi thu giữ tài sản nếu sau này có tranh chấp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q1 về việc giao xe để thu hồi khoản nợ. Nếu Ngân hàng và anh H1 sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[2.3] Đối với xe ô tô SUZUKI XL7 GLX, biển kiểm soát 28A-107.39 xác định chủ sở hữu là anh Ngô Ngọc S, anh K là người quản lý hợp pháp tại thời điểm bị chiếm đoạt. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, anh S và anh K thống nhất số tiền thiệt hại mà Bị cáo phải hoàn trả sẽ thanh toán trả trực tiếp cho anh S. Xét thấy: việc thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự nên chấp nhận yêu cầu này của anh K, anh S.

[2.4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật tố Tụng hình sự.

[2.5] Về án phí phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Đức M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và Ngân hàng V2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đức M. Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2026/HS - ST ngày 17/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức M có hiệu lực kể từ ngày ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm (18/6/2026).

2. Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2026/HSST ngày 17/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự, cụ thể:

2.1. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả cho anh Võ Như H1 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 28A-131.88, màu nâu vàng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 44/BB - GNVC ngày 09/3/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Phú Thọ)

2.2 Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Đức M có trách nhiệm hoàn trả cho anh Ngô Ngọc S số tiền 367.500.000 đồng tương ứng với giá trị thiệt hại chiếc xe ô tô SUZUKI XL7 GLX, màu xanh, biển kiểm soát 28A-107.39 theo Kết luận định giá tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6, 7 và 9 Luật hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Đức M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (18/6/2026)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- PC02 và PC 10 - CA tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam số 3 - CA tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 12 - Phú Thọ;
- TAND khu vực 12 - Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 12 - Phú Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HCTH và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Liễu